

Số: 2665 /CT-TTHT

Long An, ngày 25 tháng 12 năm 2015

V/v Doanh nghiệp cần thực hiện
và báo cáo đầu năm 2016.

Kính gửi: Các Doanh nghiệp trong tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản pháp luật thuế hiện hành; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015. Cục Thuế tỉnh Long An hướng dẫn thực hiện một số báo cáo thuế mà doanh nghiệp phải thực hiện đầu năm 2016 như sau:

I. Các báo cáo phải nộp cho kỳ tính thuế năm 2015:

1. Thuế GTGT: Người nộp thuế (NNT) không phải thực hiện quyết toán thuế GTGT năm theo quy định.

* Một số lưu ý đối với kê khai thuế GTGT:

1.1. Xác định phương pháp tính thuế GTGT và thời gian ổn định phương pháp tính thuế GTGT:

- Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã (DN, HTX) thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và thuộc các trường hợp sau:

+ DN, HTX đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT từ một tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp. Thời gian áp dụng ổn định phương pháp tính thuế là 2 năm liên tục.

+ DN, HTX mới thành lập được đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại Khoản 3 điều 3 Thông tư 119/2014/TT-BTC thì phải nộp mẫu 06/GTGT (ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT-BTC) đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước thời hạn nộp hồ sơ khai thuế lần đầu tiên. Nếu đến thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đầu tiên NNT không nộp mẫu 06/GTGT thì người nộp thuế thuộc trường hợp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp.

+ Đối với DN, HTX mới thành lập trong năm, nhưng ước tính doanh thu chịu thuế GTGT của năm đầu tiên không đạt mức doanh thu từ một tỷ đồng trở lên (cách xác định doanh thu quy định tại khoản 2 điều 12 Thông tư 219/2014/TT-BTC), nhưng thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ thì được đăng ký tự nguyện tiếp tục áp dụng phương pháp tính thuế GTGT và phải gửi mẫu 06/GTGT đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 12 của năm trước liền kề năm NNT thực hiện phương pháp tính thuế cho kỳ ổn định 2 năm tiếp theo. Nếu không nộp mẫu 06/GTGT thì áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp cho năm tiếp theo.

- Đối với trường hợp DN, HTX đang áp dụng phương pháp trực tiếp, thì phải thực hiện ổn định phương pháp tính thuế đến hết năm dương lịch đầu tiên. Nếu muốn chuyển đổi phương pháp tính thuế GTGT sang khấu trừ thì phải gửi mẫu 06/GTGT đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 12 của năm trước liền kề năm NNT thực hiện phương pháp tính thuế mới. Nếu không nộp mẫu 06/GTGT thì áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp cho năm tiếp theo.

1.2. Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

- Đối tượng khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ là người nộp thuế tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

- Đối với NNT đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh khai thuế theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;

- Đối với NNT thành lập mới từ dự án đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán) thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì lập hồ sơ khai thuế GTGT của dự án đầu tư là tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

- Trường hợp NNT đang hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (kê khai tờ khai 01/GTGT) có dự án đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán) thì lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư (kê khai tờ khai 02/GTGT) và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với thuế giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của cơ sở kinh doanh.

- Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) có quy định rõ tiến độ thực hiện dự án đầu tư và việc đi vào hoạt động sản

xuất kinh doanh theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, thì người nộp thuế được xét hoàn thuế đối với dự án đầu tư phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo hướng dẫn tại Khoản 12 (a) Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) không quy định rõ tiến độ thực hiện dự án đầu tư và việc đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, thì kể từ thời điểm có doanh thu từ dự án đầu tư, NNT không được kê khai riêng số thuế GTGT đầu vào phát sinh từ dự án đầu tư mà phải tổng hợp kê khai cùng với thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh và đề nghị hoàn thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trường hợp NNT đang trong quá trình đầu tư có phát sinh doanh thu từ hoạt động đầu tư (bán phế liệu, bán sản phẩm chạy thử,...) thì người nộp thuế kê khai doanh thu phát sinh từ hoạt động đầu tư vào tờ khai 01/GTGT và phải bù trừ số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư với số thuế phát sinh trên tờ khai 01/GTGT. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp trên tờ khai 01/GTGT.

- NNT thành lập mới từ dự án đầu tư khi nhận bàn giao số thuế GTGT từ chủ dự án đầu tư thì kê khai vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế nhận bàn giao.

NNT thành lập mới từ dự án đầu tư đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư nhỏ hơn 300 triệu đồng thì kê khai số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

NNT thực hiện hoàn thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, kỳ hoàn thuế xác định từ thời điểm kê khai vào chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước” trên tờ khai 01/GTGT.

Lưu ý: Đối với các doanh nghiệp khi kết thúc giai đoạn đầu tư, nếu số thuế GTGT còn được khấu trừ trên tờ khai mẫu số 02/GTGT từ 300 triệu đồng trở lên, để đảm bảo quyền lợi của mình, các DN nên hạ chỉ tiêu hoàn trên tờ khai 02/GTGT và làm hồ sơ hoàn thuế theo trường hợp quy định tại khoản 2 điều 18 Thông tư số 219/2014/TT-BTC hoặc khoản 12 điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

- Chính sách thuế GTGT áp dụng năm 2015:

- + Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

2. Khai quyết toán thuế TNDN:

2.1 Đối với doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo phương pháp doanh thu trừ chi phí:

Khai quyết toán thuế TNDN bao gồm: Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm và khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (trừ trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi), giải thể, chấm dứt hoạt động.

Các Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2015 chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc nhưng hạch toán độc lập thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị trực thuộc. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc thì doanh nghiệp có trách nhiệm khai tập trung tại trụ sở chính cả phần phát sinh tại đơn vị trực thuộc (riêng đối với các chi nhánh sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính thì doanh nghiệp nơi đóng trụ sở chính có trách nhiệm gửi cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính và cơ quan thuế quản lý cơ sở sản xuất phụ thuộc mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC). Số thuế TNDN còn phải nộp được xác định (=) số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán (-) số đã tạm nộp tại trụ sở chính và tạm nộp tại nơi có cơ sở sản xuất phụ thuộc.

Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

a) Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

b) Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động.

c) Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

- Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN.

- Các Phụ lục về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

- + Mẫu số 03-3A/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới.

- + Mẫu số 03-3B/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (đầu tư mở rộng).

+ Mẫu số 03-3C/TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ.

- Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN.

- Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Phụ lục tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp có các đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc ở tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa phương nơi đóng trụ sở chính (nếu có) theo mẫu số 03-8/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Kết thúc năm tính thuế, doanh nghiệp làm thủ tục quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý hoặc theo từng lần phát sinh.

2.2 Đối với doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu:

- Đối tượng: Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp không xác định được chi phí, thu nhập và các tổ chức không phải là doanh nghiệp thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp không phát sinh thường xuyên hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thực hiện kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng lần phát sinh theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC, doanh nghiệp không phải khai quyết toán năm.

2.3 Lưu ý về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế:

- Đối với Doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/7/2015:

+ Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện được ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.

+ Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư trong nước thuộc diện được ưu đãi thuế TNDN có quy mô vốn đầu tư dưới mười lăm (15) tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì hồ sơ để xác định dự án đầu tư là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư mà dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ mười lăm (15) tỷ đồng Việt Nam đến dưới ba trăm (300) tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư theo mẫu tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh.

- **Đối với Doanh nghiệp thành lập từ ngày 01/7/2015:** Thực hiện theo Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2015.

- Chính sách hướng dẫn thuế TNDN năm 2015:

- + Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo tài chính:

3.1- Doanh nghiệp mở sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp gồm các biểu mẫu sau:

- | | |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 – DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 - DN |

3.2- Doanh nghiệp nhỏ và vừa mở sổ sách kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 và Thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 4/10/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định về báo cáo tài chính gồm các biểu mẫu sau:

- | | |
|--|----------------|
| + Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DNN |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DNN |
| + Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DNN |

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu sau:

- | | |
|--------------------------|----------------|
| + Bảng cân đối tài khoản | Mẫu số F01-DNN |
|--------------------------|----------------|

Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

- | | |
|------------------------------|----------------|
| + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DNN |
|------------------------------|----------------|

Lưu ý: Đối với các doanh nghiệp mà báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định 17/2012/NĐ-CP thì khi nộp báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo qui định.

Bao gồm các doanh nghiệp sau:

- a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- b) Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
- d) Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- e) Các doanh nghiệp, tổ chức khác bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của pháp luật có liên quan.
- f) Doanh nghiệp, tổ chức phải được doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm toán, bao gồm:
 - g) Doanh nghiệp nhà nước, trừ doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;
 - h) Doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước, trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
 - i) Doanh nghiệp, tổ chức mà các tập đoàn, tổng công ty nhà nước nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;
 - k) Doanh nghiệp mà các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán nắm giữ từ 20% quyền biểu quyết trở lên tại thời điểm cuối năm tài chính phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm;
 - l) Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải được kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm.

3.3. Hình thức nộp báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Tiếp nhận Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính:

+ Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN nhưng không có Báo cáo tài chính thì cơ quan thuế không tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp người nộp thuế là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán Báo cáo tài chính, khi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN cho cơ quan thuế, có Báo cáo tài chính nhưng không đính kèm Báo cáo kiểm toán thì cơ quan thuế không tiếp nhận hồ sơ; đồng thời có văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm

quyền để kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và xử phạt theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế mới nộp hồ sơ khai thuế thì bị xử phạt theo quy định tại Thông tư số 166/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về hành vi nộp chậm hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định.

- Tiếp nhận Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán qua mạng:

Tổng cục Thuế sẽ nâng cấp Cổng thông tin điện tử (ứng dụng Khai thuế qua mạng) trước thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2015 để hỗ trợ người nộp thuế là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính, khi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN thì gửi được bản scan Báo cáo kiểm toán qua mạng.

4. Khai quyết toán thuế TNCN:

- Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2015 chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân và quyết toán thuế thu nhập cá nhân thay cho các cá nhân có ủy quyền không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

- Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì doanh nghiệp trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp. Bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định.

a) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC;

- Bảng kê mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Bảng kê mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Bảng kê mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

b) Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:

- **Đối tượng quyết toán thuế:** Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo trừ các trường hợp sau:

+ Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 (mười) triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

+ Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Ủy quyền quyết toán thuế:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:

+ Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán đối với phần thu nhập này.

+ Cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới trong trường hợp tổ chức cũ thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp. Cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp

cho người lao động (nếu có) để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Trường hợp tổ chức chỉ trả sau khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp và thực hiện quyết toán thuế theo ủy quyền của người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ sang thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:

+ Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

+ Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

+ Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

+ Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

+ Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.

- Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế:

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Cục Thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên thuộc diện tự quyết toán thuế thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế như sau:

. Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và

tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

. Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất cứ tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

+ Trường hợp cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 (ba) tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10% thì quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

+ Cá nhân trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Lưu ý:

- Công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả thu nhập đối với thu nhập của đại lý không phải khai quyết toán thuế năm. Tuy nhiên đối với tờ khai kỳ tháng/kỳ quý cuối cùng trong năm, phải kèm theo Phụ lục theo mẫu số 01-1/BK-XSBHĐC ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC (không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế).

- Cách thức quyết toán thuế: Đối với các tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thực hiện khai thuế điện tử thì gửi quyết toán thuế qua internet (khai thuế điện tử) bằng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế điện tử iHTKK và không phải gửi file giấy tới cơ quan thuế.

- Chính sách hướng dẫn thuế TNCN năm 2015:

+ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

6. Khai quyết toán thuế Tài nguyên:

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế Tài nguyên năm 2015 chậm nhất là **ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.**

- Tờ khai quyết toán thuế Tài nguyên theo mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thuế tài nguyên kèm theo (nếu có).

Lưu ý: Chính sách hướng dẫn thuế Tài nguyên là Luật thuế Tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009, Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ, Nghị quyết 928/2010/UBTVQH12 ngày 19/04/2010 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên, Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên (thay thế Nghị quyết 928/2010/UBTVQH12 và có hiệu lực từ ngày 01/02/2014), Thông tư 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài Chính, Quyết định số 65/2012/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của UBND Tỉnh Long An. Thông tư số 152/2015/TT-BTC Ngày 02/10/2015 Bộ Tài chính.

7. Quyết toán thuế khấu trừ của nhà thầu nước ngoài:

Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Hồ sơ khai quyết toán thuế khấu trừ của nhà thầu nước ngoài bao gồm:

- Tờ khai Quyết toán thuế nhà thầu theo mẫu số 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ Việt Nam tham gia thực hiện hợp đồng nhà thầu theo mẫu số 02-1/NTNN, 02-2/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Bảng kê chứng từ nộp thuế;

- Bản thanh lý hợp đồng nhà thầu (nếu có).

- Chính sách thuế nhà thầu là Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

II. Các công việc thực hiện cho năm 2016:

1. Khai thuế môn bài năm 2016:

- Năm 2016 khai thuế môn bài được thực hiện theo Điều 17, Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Mức thuế môn bài phải nộp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42/2003/TT-BTC ngày 7/5/2003 của Bộ Tài chính cụ thể:

Bậc thuế môn bài	Vốn đăng ký đến 31/12/2015	Mức thuế môn bài cả năm
Bậc 1	Trên 10 tỷ	3.000.000
Bậc 2	Từ 5 tỷ đến 10 tỷ	2.000.000
Bậc 3	Từ 2 tỷ đến dưới 5 tỷ	1.500.000
Bậc 4	Dưới 2 tỷ	1.000.000

Vốn đăng ký kinh doanh được xác định như sau:

- + Đối với Doanh nghiệp nhà nước là vốn điều lệ.
- + Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là vốn đầu tư.
- + Đối với Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Hợp tác xã là vốn điều lệ.
- + Đối với DNTN là vốn đầu tư.

- Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc không có vốn đăng ký: 1.000.000đ

- Các doanh nghiệp thành viên hạch toán toàn ngành: 2.000.000 đ

- Theo quy định đối với trường hợp các doanh nghiệp đang hoạt động trước 31/12/2015 đã khai thuế môn bài khi bắt đầu hoạt động và năm 2016 không thay đổi về mức thuế môn bài phải nộp thì không phải làm tờ khai thuế môn bài mà chỉ nộp thuế môn bài vào NSNN theo quy định. Trường hợp có thay đổi về mức thuế môn bài thì các doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế môn bài theo mẫu số 01/MBAI ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Lưu ý:

- Trường hợp Doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc (chi nhánh, cửa hàng...) kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì Doanh nghiệp thực hiện nộp thuế môn bài, tờ khai thuế môn bài (đối với trường hợp có thay đổi mức thuế môn bài) của các đơn vị trực thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của Doanh nghiệp.

- Trường hợp Doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc ở khác địa phương cấp tỉnh nơi Doanh nghiệp có trụ sở chính thì đơn vị trực thuộc thực hiện nộp thuế môn bài, tờ khai thuế môn bài (đối với trường hợp có thay đổi mức thuế môn bài) của đơn vị trực thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc.

- Thời hạn nộp thuế môn bài năm 2016 chậm nhất là ngày 30 tháng 01 năm 2016.

2. Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2016:

- **Khai thuế:** Hàng năm, người nộp thuế không phải thực hiện khai lại nếu không có sự thay đổi về người nộp thuế và các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp.

Trường hợp phát sinh các sự việc dẫn đến sự thay đổi về người nộp thuế thì người nộp thuế mới phải kê khai và nộp hồ sơ khai thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh các sự việc trên; Trường hợp phát sinh các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp (trừ trường hợp thay đổi giá 1m² đất tính thuế) thì người nộp thuế phải kê khai và nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp.

- **Hồ sơ khai thuế:** mẫu số 02/TK-SDDPNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Thời hạn nộp thuế:

+ Người nộp thuế nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của năm làm 2 kỳ. Kỳ thứ nhất, thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31 tháng 5. Kỳ thứ hai, thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31 tháng 10.

+Người nộp thuế được quyền lựa chọn nộp thuế một lần hoặc hai lần trong năm. Trường hợp người nộp thuế muốn nộp một lần cho cả năm thì phải nộp vào kỳ nộp thứ nhất của năm.

+Trường hợp trong chu kỳ ổn định 05 (năm) năm mà người nộp thuế đề nghị được nộp thuế một lần cho nhiều năm thì hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm đề nghị.

Lưu ý: Chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện theo Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính.

3. Các đăng ký đầu năm cho năm tài chính 2016:

3.1. Về đăng ký mức tiêu hao hợp lý nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.

Doanh nghiệp không phải xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất kinh doanh.

3.2. Đăng ký phương pháp trích khấu hao TSCĐ:

Khi doanh nghiệp mới thành lập và bắt đầu thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải thông báo phương pháp trích khấu hao, thời gian trích khấu hao TSCĐ mà Doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Phương pháp trích khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ mà doanh nghiệp đã lựa chọn và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi phương pháp trích khấu hao, doanh nghiệp phải giải trình rõ sự thay đổi về cách thức sử dụng TSCĐ để đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Mỗi tài sản cố định chỉ được phép thay đổi một lần phương pháp trích khấu hao trong quá trình sử dụng và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

III. Lưu ý chính sách có hiệu lực từ ngày 01/01/2016:

1. Áp dụng thuế suất thuế TNDN:

- Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp doanh nghiệp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20%.

- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới vào các lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế áp dụng thuế suất 20%, kể từ ngày 01/01/2016 chuyển sang áp dụng thuế suất 17%.

- Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng hợp tác xã và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng thuế suất ưu đãi 20% trong suốt thời gian hoạt động, kể từ ngày 01/01/2016 chuyển sang áp dụng thuế suất 17%.

2. Quy định địa bàn ưu đãi thuế:

Ngày 12/11/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 118/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2015 đã quy định: Bãi bỏ Danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ ngày 27/12/2015 tỉnh Long An có các địa bàn ưu đãi như sau:

Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn gồm: huyện Đức Huệ, huyện Mộc Hóa, huyện Vĩnh Hưng, huyện Tân Hưng;

Địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn gồm: Thị xã Kiến Tường, huyện Tân Thạnh, huyện Thạnh Hóa, huyện Đức Hòa.

3. Hiệu lực thi hành Thông tư hướng dẫn về thuế Tài Nguyên:

Ngày 02/10/2015 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế Tài Nguyên có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2015 thay thế Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính.

4. Hiệu lực thi hành Thông tư hướng dẫn về thuế Tiêu thụ đặc biệt:

Ngày 24/11/2015 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 195/2015/TT-BTC về thuế tiêu thụ đặc biệt có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2016 thay thế Thông tư số 05/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính.

5. Về hoàn thuế GTGT:

Ngày 17/12/2015 Bộ Tài chính có công văn số 18832/BTC-CST sửa đổi, bổ sung hướng dẫn về việc kê khai, hoàn thuế GTGT đối với chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp (sau đây gọi chung là chi nhánh) theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 và Điểm 9 công văn số 10492/BTC-TCT ngày 30/7/2015 như sau:

- Doanh nghiệp trụ sở chính khi lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT (gọi là NNT đề nghị hoàn thuế) phải lập kèm theo Bảng kê số thuế còn phải nộp, còn nợ của doanh nghiệp trụ sở chính và các chi nhánh để thực hiện bù trừ đối với toàn bộ số tiền thuế còn phải nộp, còn nợ của doanh nghiệp trụ sở chính và các chi nhánh (gọi là NNT còn nợ thuế) với số thuế GTGT đủ điều kiện hoàn thuế (theo mẫu 01/NTĐNBNTNT đính kèm công văn 18832/BTC-CST).

- Chi nhánh thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đáp ứng đầy đủ các điều kiện về khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và pháp luật về quản lý thuế phải đảm bảo hạch toán đầy đủ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ mua vào để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tương ứng với hàng hóa dịch vụ bán ra của chi nhánh, khi thực hiện hoàn thuế GTGT phải được doanh nghiệp trụ sở chính ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật về việc ủy quyền cho chi nhánh được thực hiện thủ tục hoàn thuế (NNT đề nghị hoàn thuế) với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý chi nhánh; đồng thời, chi nhánh phải gửi kèm theo Bảng kê số thuế còn phải nộp, còn nợ của doanh nghiệp trụ sở chính; các chi nhánh và đề

ngiht bù trừ giữa các đơn vị với số thuế GTGT đề nghị hoàn (có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp trụ sở chính) (theo mẫu 01/NTĐNBNTNT đính kèm công văn 18832/BTC-CST) để thực hiện bù trừ đối với toàn bộ số thuế còn phải nộp, còn nợ của doanh nghiệp trụ sở chính và các chi nhánh khác (gọi là NNT còn nợ thuế) với số thuế GTGT đủ điều kiện hoàn thuế.

Trên đây là những quy định của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế cùng các chính sách thuế hiện hành, Cục Thuế hướng dẫn để doanh nghiệp biết và thực hiện đầu năm 2016.

Các Chi cục Thuế căn cứ vào nội dung trên, hướng dẫn người nộp thuế trên địa bàn thực hiện để đảm bảo việc khai thuế và báo cáo tài chính được thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh, đồng thời có văn bản hướng dẫn người nộp thuế thuộc diện quản lý thực hiện khai thuế đúng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT (thay báo cáo);
- BLĐ Cục;
- Các Phòng VPC;
- CCT các huyện, TX, TPTA;
- Trang web Cục thuế;
- Lưu VT, TTHT.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Lâm